

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 02-2243/HĐQT-QĐ

Đồng Nai, ngày 22 tháng 04 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản trị
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2013.
- Theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị và Trưởng văn phòng đại diện của trụ sở chính Công ty và Chi nhánh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH





green
inside
TA YA GROUP



大亞電纜集團
TA YA GROUP

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Công Ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam

(Ban hành kèm theo quyết định số: 02-2243/HĐQT-QĐ ngày 22 tháng 04 năm 2013
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam)

MỤC LỤC

Chương I: _QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	3
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản	5
Chương II: _CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	5
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	5
Điều 5. Cổ đông lớn.....	7
Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Cách thức đăng ký họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 8. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 10. Trình tự, thủ tục triệu tập Đại Hội đồng cổ đông	9
Điều 11. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12
Điều 12. Biên bản Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 13. Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 14. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Chương III: _HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	15
Điều 16. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 17. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát	16
Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	19
Điều 19. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 20. Họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 21. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.....	22
Điều 22. Thư ký công ty.....	22
Điều 23. Thủ lao của Hội đồng quản trị.....	23
Chương IV: _BAN KIỂM SOÁT.....	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.....	23
Điều 25. Tư cách thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát	24
Điều 26. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	24
Điều 27. Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát	25
Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	25
Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 30. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát.....	26
Điều 31. Thông qua các quyết định của Ban kiểm soát	26
Điều 32. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát	26
Điều 33. Thủ lao của Ban kiểm soát	27
Chương V: _BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	27
Điều 34. Cơ cấu tổ chức của Ban điều hành công ty	27
Điều 35. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc.....	28

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc.....	28
Điều 37. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	29
Điều 38. Kế toán trưởng	29
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng.....	29
Điều 40. Trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng	30
Chương VI: CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY	30
Điều 41. Cán bộ quản lý và vai trò trong quản trị công ty.....	30
Điều 42. Tiêu chuẩn, điều kiện của cán bộ quản lý công ty	30
Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý công ty.....	31
Chương VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, TGD	31
Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý công ty.....	31
Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.....	32
Chương VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	33
Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.....	33
Điều 47. Giao dịch với người có liên quan	34
Điều 48. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty	34
Chương IX: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT.....	34
Điều 49. Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc chi nhánh và các cán bộ quản lý công ty.....	35
Chương X: CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37
Điều 50. Công bố thông tin	37
Điều 51. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty	37
Điều 52. Bảo mật thông tin.....	38
Chương XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, BSSĐ, NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 53. Tổ chức thi hành.....	38
Điều 54. Bổ sung sửa đổi.....	38
Điều 55. Ngày hiệu lực	38
PHỤ LỤC 1. CÁC LOẠI BIỂU MẪU.....	45

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02-2243/HĐQT-QĐ ngày 18 tháng 02 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam)

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được xây dựng dựa trên quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và những quy định văn bản pháp luật liên quan khác.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

Quy chế này quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong công ty nhằm giảm thiểu những rủi ro và thiệt hại không đáng có cho công ty, đảm bảo hoạt động của công ty được điều hành một cách hiệu quả và việc kiểm soát quản trị nội bộ công ty được công khai và minh bạch phù hợp với quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế này đồng thời áp dụng đối với Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam có trụ sở chính đặt tại tỉnh Đồng Nai và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam có trụ sở đặt tại tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.

b. “Công ty” là Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam;

c. “Chi nhánh” là Chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam tại tỉnh Hải Dương;

d. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.;

e. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;
- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

g. “Cổ đông lớn” là cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

h. “Cán bộ quản lý” bao gồm: Giám đốc/Phó Giám đốc ban kinh doanh, Giám đốc/Phó Giám đốc ban hành chính, Giám đốc/Phó Giám đốc ban xưởng vụ (xưởng trưởng), kế toán trưởng, trưởng văn phòng đại diện và các cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị trực tiếp bổ nhiệm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản

pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.
2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành và kiểm soát công ty có hiệu quả, hướng tới áp dụng đầy đủ các thông lệ tốt nhất và chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty.
3. Đảm bảo cơ cấu Quản trị công ty có hiệu quả.
4. Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông và người có quyền lợi liên quan.
5. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
6. Minh bạch trong hoạt động công ty;

Chương II:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC 1. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, cổ đông lớn

5

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

➤ Quyền của cổ đông

Cổ đông là chủ sở hữu công ty, có đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ

đồng đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

j. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;

k. Các quyền đối với các loại cổ phần khác theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật.

2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 26 và Khoản 3 Điều 47 Điều lệ công ty ;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết

định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty.

► Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông là chủ sở hữu công ty, có các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ công ty như sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các Quy chế của công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 5. Cổ đông lớn

Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty. Cổ đông lớn có trách nhiệm sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Điều 29 Luật chứng khoán và pháp luật khác có liên quan.

Mục 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong một số trường hợp nhất định được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15 Điều lệ công ty.

Điều 7. Cách thức đăng ký họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền người đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền phải thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông tham dự Đại hội thông báo qua điện thoại hoặc gửi thư đăng ký (theo mẫu của công ty) bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện, fax hoặc qua thư điện tử theo đúng thời hạn và địa chỉ công ty thông báo.

3. Trước khi vào họp Đại hội đồng cổ đông, công ty thực hiện thủ tục đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông cho đến khi tất cả cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết.

4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 8. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị sắp xếp Chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, bố trí thời gian họp một cách hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung sau:

- a. Đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thông qua Danh sách Chủ tịch đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu;
- c. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị công ty và kết quả sản xuất kinh doanh;
- d. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

- e. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- f. Báo cáo phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức;
- g. Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- h. Các vấn đề khác cần được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
- i. Đại hội bế mạc.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua, khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 10. Trình tự, thủ tục triệu tập Đại Hội đồng cổ đông

1. Thông báo chốt danh sách cổ đông

a. Hội đồng quản trị quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và gửi thông báo chốt danh sách cổ đông đến Trung tâm lưu ký Chứng khoán ít nhất mười (10) ngày

làm việc trước ngày chốt danh sách cổ đông.

b. Sau khi thống nhất ý kiến với Trung tâm lưu ký chứng khoán, công ty thông báo ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đến Sở giao dịch chứng khoán và công bố trên website của công ty ít nhất năm ngày (05) trước ngày chốt danh sách.

Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông phải cách ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông ba mươi (30) ngày.

2. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả cổ đông ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.

b. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của công ty để các cổ đông có thể tiếp cận.

c. Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, hoặc qua đường bưu điện bằng phương thức đảm bảo hoặc gửi đến số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử của cổ đông.

d. Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được chuyển tận tay hoặc gửi qua đường bưu điện bằng phương thức đảm bảo tới địa chỉ đăng ký của công ty.

3. Biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung Chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

a. Nguyên tắc biểu quyết:

- Trường hợp biểu quyết các vấn đề như báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán, tờ trình, nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty và vấn đề khác, áp dụng hình thức biểu quyết công khai.

- Trường hợp bầu thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, áp dụng hình thức biểu quyết bỏ phiếu công khai.

- Trường hợp biểu quyết vấn đề khác có nội dung nhạy cảm theo Đại hội cần phải biểu quyết bỏ phiếu kín thì áp dụng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín.

- Sử dụng thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội cấp.

- Tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ

đồng sở hữu hoặc người được cổ đông ủy quyền đại diện sở hữu.

b. Cách thức biểu quyết:

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền khi tham dự đại hội được cấp một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi Mã số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến một vấn đề bằng cách giơ cao phiếu biểu quyết.

- Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết (ghi mã số biểu quyết) phải được giơ cao hướng về phía Chủ tịch đoàn. Trường hợp cổ đông không giơ cao thẻ biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

4. Kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội biểu quyết chọn ra Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu trong số đại biểu tham dự Đại hội, nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa Đại hội chọn ra những người đó. Trước khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản niêm phong số phiếu không sử dụng đến để tránh trường hợp nhầm lẫn khi kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng hoặc khu vực bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.

➤ Đối với những vấn đề thông thường: việc kiểm phiếu do Ban kiểm phiếu thực hiện dưới sự giám sát của người kiểm phiếu được chọn trong số đại biểu tham dự Đại hội.

➤ Đối với những vấn đề nhạy cảm: nếu cổ đông có yêu cầu hợp lý, công ty chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu. Nếu không có tổ chức độc lập thì Đại hội chấp nhận Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

a. Quy trình kiểm phiếu:

- Trước khi kiểm phiếu cần phân loại phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ và chi kiểm phiếu hợp lệ, dưới sự chứng kiến của người giám sát kiểm phiếu.

- Số phiếu phát ra bằng số phiếu thu vào (nếu thiếu cần xác định lý do mất).

b. Cách thức kiểm phiếu:

➤ Trường hợp biểu quyết công khai: Số phiếu đồng ý được đếm trước, số phiếu không đồng ý được đếm sau, sau cùng tính tổng số phiếu không có ý kiến bằng cách lấy tổng số phiếu đồng ý trừ đi tổng số phiếu không đồng ý.

➤ Trường hợp biểu quyết bỏ phiếu công khai: Trước tiên phân loại phiếu không hợp lệ, sau đó kiểm nghiệm số phiếu hợp lệ, sau cùng tính kết quả số phiếu được bầu.

➤ Trường hợp bỏ phiếu kín: một (01) người đọc, một (01) người theo dõi và một (01) người thứ ba ghi nhận (nhập máy vi tính), sau cùng kiểm tra đối chiếu dữ liệu tránh kiểm

phiếu nhảm.

Khi kiểm phiếu xong, tổng số phiếu của các ứng viên được bầu thực tế phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu mà các ứng viên được bầu đủ, thì kiểm phiếu đúng.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu, Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm phiếu như sau:

➤ Đối với biểu quyết công khai tại Đại hội: Tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến được Chủ tọa thông báo ngay sau khi kết thúc biểu quyết vấn đề đó.

➤ Đối với biểu quyết bỏ phiếu công khai tại Đại hội: Sau khi kết thúc biểu quyết bỏ phiếu công khai, Chủ tọa Đại hội thông báo ngay trước toàn thể Đại hội về kết quả tổng số phiếu bầu của các ứng viên được bầu.

➤ Đối với biểu quyết bỏ phiếu kín: Sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu, kết quả kiểm phiếu được công bố trước toàn thể Đại hội.

Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu sau khi kết thúc công việc kiểm phiếu.

Điều 11. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.

3. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

d. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

e. Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;

f. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

g. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được

số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Trường hợp những phiếu lấy ý kiến của cổ đông không được trả lời hoặc trả lời không đúng thời điểm quy định trên phiếu lấy ý kiến hoặc do lỗi của bưu cục hoặc bị thất lạc, sẽ được coi như ý kiến đó đã được cổ đông thông qua.

Điều 12. Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông ghi chép chi tiết nội dung, diễn tiến của cuộc họp bằng văn bản hoặc bằng ghi âm.

2. Ban thư ký chịu trách nhiệm lập biên bản Đại hội và ghi vào sổ biên bản Đại hội đồng cổ đông của công ty. Ban thư ký được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn ngay khi bắt đầu họp Đại hội. Biên bản Đại hội được lập bằng tiếng Việt gồm các nội dung sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty;
- b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;
- c. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Số lượng cổ đông và người đại diện được ủy quyền có mặt;
- e. Tỷ lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp;
- f. Những vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại Đại hội;
- g. Kết quả biểu quyết;
- h. Tóm tắt diễn tiến và ý kiến phát biểu của cổ đông tại cuộc họp;
- i. Biên bản Đại hội phải được tuyên bố và thông qua trước khi Đại hội bế mạc;
- j. Chữ ký của thư ký và Chủ tọa Đại hội.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông lập bằng tiếng Việt, cổ đông nước ngoài tự chịu chi phí biên dịch ra tiếng nước ngoài nếu có nhu cầu.

Điều 13. Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội hoặc công bố trên website của

công ty www.taya.com.vn đồng thời phải công bố thông tin thông qua Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Điều 14. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Chương III:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 16. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Là cổ đông cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;
3. Không phải người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
4. Không phải Tổng giám đốc điều hành, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của một công ty bị tuyên bố phá sản trong thời hạn từ một (1) đến ba (3) năm kể từ ngày công ty đó bị tuyên bố phá sản.
5. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ-công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

Điều 17. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

● Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

1. Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát:
 - a. Cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 16, khoản 1 Điều 25 Quy chế này và cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 và Khoản 3 Điều 47 Điều lệ công ty có quyền đề cử hoặc ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tương ứng với tỷ lệ cổ phần do mình sở hữu;
 - b. Việc đề cử hoặc ứng cử được thực hiện bằng văn bản theo mẫu do công ty quy định và phải gửi về trụ sở chính của công ty theo thời hạn quy định trong thông báo trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (trường hợp xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch;
- Trình độ văn hóa, chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- Tồn tại hay không việc không thể đảm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị/ban kiểm soát;
- Các lợi ích liên quan tới công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

d. Các ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, đầy đủ của các thông tin cá nhân do mình cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách thiết thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;

e. Người đề cử các ứng viên bầu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị/ban kiểm soát cần phải nắm rõ tất cả tình trạng về nghề nghiệp, trình độ văn hóa, chuyên môn, chức danh, quá trình công tác, tình hình kiêm nhiệm công việc tại các tổ chức khác của người được đề cử. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông bầu các thành viên Hội đồng quản trị/ban kiểm soát, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định;

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị/ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị/ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

● **Trình tự, thủ tục bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát**

1. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát:

a. Thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được bầu theo phương pháp bầu đơn phiếu;

b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội được công ty cấp một phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát, trên phiếu có ghi mã số đăng ký, họ tên của cổ đông và đại diện được ủy quyền và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

c. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số thành viên phải bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông. Khi bầu, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, hoặc chia đều, hoặc chia theo tỷ lệ khác sao cho tổng số quyền biểu

quyết của mình đã sử dụng không vượt quá tổng số quyền biểu quyết mà mình có;

d. Nhằm đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập đặc cử phù hợp với tỷ lệ theo quy định của Điều lệ công ty. Công ty cần phải tiến hành riêng biệt bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không độc lập, cụ thể như sau:

- Bầu thành viên Hội đồng quản trị không độc lập: Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số thành viên phải bầu và tổng số phiếu biểu quyết này chỉ được sử dụng bầu thành viên Hội đồng quản trị không độc lập.

- Bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số thành viên phải bầu và tổng số phiếu biểu quyết này chỉ được sử dụng bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị/ban kiểm soát đặc cử chưa đạt được số lượng theo quy định tại Điều lệ công ty. Đại hội tiến hành bầu lại trong những ứng viên chưa đặc cử. Trường hợp bầu lại lần thứ hai (02) vẫn chưa đạt yêu cầu về số lượng, có thể tiến hành bầu lần thứ ba (03) cho đến khi đạt được số lượng theo yêu cầu.

3. Phiếu bầu không hợp lệ:

Những phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

a. Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu của công ty;

b. Phiếu bầu số người vượt quá số tối đa theo quy định (tức bầu sáu(06)người thay vì chỉ bầu năm(05)người);

c. Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng viên (do người bầu tự cộng) lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu;

d. Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã được Đại hội cổ đông thông qua hoặc gạch xoá vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại tên phiếu mới).

4. Căn cứ tỷ lệ phiếu bầu của Đại hội, chọn ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu cao nhất từ trên xuống cho đến khi đủ số lượng thành viên theo quy định. Trường hợp có nhiều ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau, ứng viên nào có số cổ phần cao hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch đoàn quyết định theo phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

● **Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

Sau khi có kết quả bầu cử, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu một (01) Chủ tịch và phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu Chủ tịch và phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

● **Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

● **Thông báo kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Công ty phải công bố thông tin bất thường về việc thay đổi những thành viên chủ chốt trong công ty do bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo hoạt động công ty trong năm tài chính trước Đại hội đồng cổ đông, nội dung báo cáo gồm các nội dung sau:

- a. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty;
- b. Hoạt động của Hội đồng quản trị;
- c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong năm tài chính;
- e. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 19. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị

1. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và tại khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 28 Điều lệ công ty;

b. Tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị khi kết thúc năm tài chính;

c. Triệu tập Ban điều hành họp định kỳ, bất thường hoặc thông qua hội nghị truyền hình, nghe báo cáo kết quả điều hành hoạt động của công ty.

d. Chỉ đạo, hỗ trợ giải pháp kịp thời nhằm giải quyết những vấn đề bất cập trong điều

hành quản trị công ty.

e. Thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng và trung thực vì lợi ích cao nhất của công ty.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành về việc ủy quyền này. Trong trường hợp Chủ tịch không ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ bầu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị tạm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu mới. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì bất kỳ lý do nào đó, thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 20. Hợp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty. Cụ thể:

1. Thông báo họp hội đồng quản trị

a. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ Chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

2. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng quản trị

a. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền.

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định: Cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu

tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

3. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

a. Nguyên tắc biểu quyết

Vấn đề phải thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 34 Điều lệ công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện được ủy quyền khi dự họp được cấp một (01) phiếu biểu quyết;

b. Cách thức biểu quyết thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Biểu quyết công khai: Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến một vấn đề phải thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị.

Biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín và bỏ phiếu vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín để đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến một vấn đề phải thông qua trong cuộc họp Hội đồng quản trị, hoặc bỏ phiếu vắng mặt nếu thành viên Hội đồng Quản trị không thể trực tiếp có mặt tại Hội nghị, với điều kiện những phiếu biểu quyết vắng mặt này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký không muộn hơn 1 giờ đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị có thể ghi chép chi tiết nội dung, diễn tiến của cuộc họp bằng văn bản hoặc bằng ghi âm.

b. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm lập biên bản cuộc họp với các nội dung chính sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty;
- Thời gian và địa điểm họp Hội đồng quản trị;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện được ủy quyền có mặt;
- Những vấn đề cần thảo luận và biểu quyết tại hội nghị;
- Kết quả biểu quyết;
- Chữ ký của thư ký và các thành viên dự họp có mặt.

5. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Biên bản và nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh để tất cả các thành viên Hội đồng quản trị có thể hiểu được nội dung. Trường hợp nội dung và câu chữ trong biên bản và nghị quyết họp Hội đồng quản trị giữa các phiên bản tiếng Việt, Trung, Anh có khác biệt, thì hiểu theo nội dung và câu chữ của bản tiếng Việt. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên dự họp, được ban hành đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và công bố trên Website của công ty

www.taya.com.vn đồng thời công bố thông tin thông qua trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các báo cáo, tài liệu liên quan đến cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở của công ty.

Điều 21. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Thành phần và số lượng thành viên tiểu ban

Tiểu ban Hội đồng quản trị bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.

Số lượng thành viên trong mỗi tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng mỗi tiểu ban phải có ít nhất ba (03) thành viên. Các thành viên trong tiểu ban không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị, nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban. Thành viên tiểu ban được quyền biểu quyết trong các cuộc họp của tiểu ban, nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp công ty không thiết lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng và nhân sự.

22

2. Quyền hạn, nhiệm vụ các tiểu ban

- a. Tham mưu, tư vấn Chủ tịch Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các vấn đề trong Chương trình họp của Hội đồng quản trị;
- b. Tham gia và trình bày ý kiến, kiến nghị thuộc thẩm quyền tại cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- c. Cung cấp những tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động của tiểu ban.

Điều 22. Thư ký công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động Quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm thư ký công ty.

2. Tiêu chuẩn của thư ký công ty :

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b. Hiểu biết về pháp luật ;

c. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

3. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty:

a. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

c. Tham dự các cuộc họp, làm biên bản các cuộc họp;

d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

4. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thủ lao của Hội đồng quản trị

1. Thủ lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông.

2. Thủ lao của Hội đồng quản trị được liệt kê đầy đủ trong thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.

3. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành thì thủ lao bao gồm lương của Tổng giám đốc điều hành và các khoản thủ lao khác.

4. Thủ lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Chương IV:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

Điều 25. Tư cách thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a. Là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là những người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm và có thể không phải là cổ đông của công ty;

b. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;

c. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 59 và Điều 60 Điều lệ công ty;

d. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

e. không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của công ty;

f. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện Trưởng Ban kiểm soát:

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 25 Quy chế này.

2. Là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là giám đốc tài chính của công ty.

Điều 26. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát chiếu theo phương pháp đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

2. Bầu thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát chiếu theo phương pháp bầu Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 16 Quy chế này.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 55 Điều lệ công ty.

Điều 27. Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

4. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chung được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 48 Điều lệ công ty.

2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo hoạt động kiểm soát của mình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên, nội dung báo cáo tối thiểu bao gồm những nội dung sau:

a. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát ;

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;

c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát

1. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại Điều 50 Điều lệ công ty. Ngoài ra, Trưởng Ban kiểm soát còn có nhiệm vụ phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành theo một cơ chế hoạt động do Ban kiểm soát ban hành.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 51 Điều lệ công ty. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.

Điều 30. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp định kỳ và bất thường. Cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần (02) lần trong một (01) năm do Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.

2. Các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo quy định tại Điều 56 Điều lệ công ty.

3. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải lập thành văn bản bằng tiếng Việt, nội dung nêu rõ: Chương trình họp, thời gian, địa điểm họp kèm theo những tài liệu cần thiết liên quan đến những vấn đề phải thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và phiếu bầu cho thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp có thể gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Điều 31. Thông qua các quyết định của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát trực tiếp có mặt tại cuộc họp hoặc thông qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.

1. Nguyên tắc biểu quyết theo phương pháp quy định tại khoản 1 Điều 57 Điều lệ công ty.

2. Cách thức biểu quyết theo phương pháp quy định tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ công ty.

Điều 32. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát

1. Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả thành viên dự họp.

2. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm chuyển Biên bản cuộc họp cho các thành viên

Ban kiểm soát và biên bản này là bằng chứng thiết thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Ban kiểm soát. Trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại văn phòng Ban kiểm soát tại công ty.

Điều 33. Thù lao của Ban kiểm soát

Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

Chương V:

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 34. Cơ cấu tổ chức của Ban điều hành công ty

1. Ban điều hành công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc là năm (05) năm. Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty.

4. Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Tổng giám đốc hoặc người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Các trường hợp ủy quyền của Tổng giám đốc điều hành theo quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 36 Điều lệ công ty.

6. Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định trên cơ sở đề xuất

của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc là người trợ giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

Điều 35. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc

Tổng giám đốc điều hành và Phó Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty. Cụ thể :

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý công ty ;
2. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty ;
3. Không được đồng thời là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của công ty khác ;
4. Không phải người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
5. Không phải Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của một công ty bị tuyên bố phá sản trong thời hạn từ một (01) đến ba (03) năm kể từ ngày công ty đó bị tuyên bố phá sản;
6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 36. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bỏ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác trên cơ sở đề xuất của ủy ban nhân sự Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc điều hành.
2. Hội đồng quản trị ra quyết định bỏ nhiệm các Phó Tổng giám đốc trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng giám đốc điều hành hoặc ủy ban nhân sự Hội đồng quản trị.
3. Việc bỏ nhiệm Tổng giám đốc điều hành và các Phó Tổng giám đốc phải phù hợp các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Quy chế này.
4. Tổng giám đốc điều hành và các Phó Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn tư cách Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 35 Quy chế này;
 - b. Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - c. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của

tòa án;

- d. Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư;
- e. Hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
- f. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị.

Điều 37. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 39 Điều lệ công ty.
2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 38. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc tuyển dụng.
2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty theo quy định tại Điều 5 của Luật Kế toán, cụ thể :
 - a. Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán;
 - b. Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;
 - c. Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của công ty;
 - d. Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.
3. Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của Tổng giám đốc công ty; trường hợp công ty có đơn vị kế toán cấp trên thì đồng thời chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của kế toán trưởng cấp trên về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng phải có các tiêu chuẩn sau đây:
 - a. Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 44 Điều lệ công ty;
 - b. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên;
 - c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm.

2. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng Kế toán trưởng.

Điều 40. Trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng có trách nhiệm:

- a. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong công ty;
- b. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán;
- c. Lập báo cáo tài chính công ty.

2. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

Chương VI:

CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 41. Cán bộ quản lý và vai trò trong quản trị công ty

1. Cán bộ quản lý là người đứng đầu một Ban/đơn vị trong bộ máy tổ chức của công ty, bao gồm: Giám đốc/phó giám đốc phụ trách Ban kinh doanh, Giám đốc/phó giám đốc phụ trách Ban hành chính, Giám đốc/phó giám đốc phụ trách Ban xưởng vụ (xưởng trưởng) và Trưởng văn phòng đại diện công ty.

2. Cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương, các lợi ích khác theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và/hoặc tiểu ban nhân sự của Hội đồng quản trị.

3. Cán bộ quản lý công ty có trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Ban/đơn vị theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc điều hành hoặc Phó Tổng giám đốc, chấp hành các chỉ thị, quyết định của Tổng giám đốc và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Tiêu chuẩn, điều kiện của cán bộ quản lý công ty

Cán bộ quản lý trong công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau :

1. Có năng lực hành vi dân sự .
2. Có phẩm chất đạo đức, có ý thức chấp hành quy định công ty.
3. Có năng lực chuyên môn và khả năng điều hành trong một hoặc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty .
4. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, sản xuất của công ty.
5. Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 43. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý công ty

1. Hội đồng quản trị công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc chấp thuận từ chức của cán bộ quản lý trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc điều hành và/hoặc tiểu ban nhân sự của Hội đồng quản trị.

2. Tiểu ban Hội đồng quản trị chuyên trách nhân sự hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập được phân công chuyên trách nhân sự, có quyền đề xuất, nhận xét, đánh giá và biểu quyết thông qua quyết định bổ nhiệm các cán bộ quản lý do Tổng giám đốc đề xuất trong công ty.

Chương VII:

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý công ty

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của công ty, có đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của công ty.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành công ty phối hợp hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, làm việc tích cực, có trách nhiệm, trung thực, đoàn kết vì lợi ích chung của công ty.

3. Hội đồng quản trị giữ vai trò quản trị doanh nghiệp, Tổng giám đốc điều hành giữ vai trò điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành cần phải phối hợp chặt chẽ tạo điều kiện thực hiện tốt chức năng quản trị và trách nhiệm điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành.

4. Phối hợp hoạt động nhằm phát triển mối quan hệ bên ngoài

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện của công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức các sự kiện với lãnh đạo của các cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, các đối tác chiến lược, khách hàng lớn của công ty và các cơ quan truyền thông. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt vì lý do đột xuất cần phải ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc Tổng giám đốc đại diện tham dự. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo lại Chủ tịch Hội đồng quản trị về những nội dung của buổi làm việc hoặc sự kiện đó ngay sau khi buổi làm việc kết thúc.

b. Khi tổ chức các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng như vậy, các thành viên Hội

đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hoặc các cán bộ quản lý khác có thể được mời tham dự và được phân công theo dõi, nắm bắt những nội dung công việc có liên quan thuộc Ban/đơn vị mình phụ trách.

5. Phối hợp nhằm triển khai nhiệm vụ nội bộ

a. Trong các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị nhằm triển khai nhiệm vụ hoặc chiến lược phát triển công ty, tùy vào tính chất quan trọng và nội dung của cuộc họp, ngoài người đứng đầu Ban điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì có thể mời thêm các cán bộ quản lý khác có liên quan và thành viên Ban kiểm soát cùng dự họp và tham gia ý kiến.

b. Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị họp với Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý công ty ít nhất một (01) lần hoặc họp đột xuất thông qua công cụ hội nghị truyền hình nhằm thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và chỉ đạo nhiệm vụ và công việc tiếp theo của Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý của công ty.

6. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

7. Trong các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Tổng giám đốc điều hành nhằm triển khai nhiệm vụ được giao hoặc tổng kết kết quả hoạt động của công ty, Tổng giám đốc hoặc người chủ trì quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự. Tùy vào nội dung của cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể trực tiếp tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự để chỉ đạo và đóng góp ý kiến. Chương trình và các tài liệu liên quan cần được gửi trước ít nhất 05 (năm) ngày đến các thành viên tham gia cuộc họp để có đầy đủ thời gian tìm hiểu và tham gia ý kiến tại cuộc họp.

8. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ sáu (06) tháng hoặc khi có nhu cầu.

9. Tổng giám đốc và cán bộ quản lý công ty phát hiện những rủi ro có thể gây ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động kinh doanh của công ty, phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để có biện pháp ngăn chặn kịp thời hoặc giảm thiểu rủi ro.

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng và quyền hạn của mình theo quy định của

Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành. Cụ thể :

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của đôi bên. Trong trường hợp cần thiết, thông qua việc thông báo, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được cử thêm tham dự các cuộc họp của đôi bên.

2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp tất cả các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành.

3. Hội đồng quản trị đảm bảo việc cung cấp các bản sao thông tin tài chính và tài liệu khác cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được đồng thời cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát.

Chương VIII:

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý công ty phải công khai những lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý công ty và những người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong báo cáo thường niên của công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

5. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những

người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 47. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch tới những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hóa của công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 48. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội.

Chương IX:

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TGDĐ ĐIỀU HÀNH, PHÓ TGDĐ CHI NHÁNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 49. Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc chi nhánh và các cán bộ quản lý công ty

Nhằm mục đích nâng cao chức năng, kích lệ tinh thần trách nhiệm và hiệu quả làm việc của người đứng đầu cơ quan quản trị và điều hành trong công ty, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển bền vững của công ty lên tầm cao mới, công ty xây dựng quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc chi nhánh và cán bộ quản lý của công ty như sau:

1. Tổ chức đánh giá:

Hội đồng quản trị công ty ủy quyền bằng văn bản Ban thư ký công ty tổ chức việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc chi nhánh và các cán bộ quản lý của công ty trong năm tài chính. Ban thư ký công ty có trách nhiệm chuẩn bị và soạn thảo các loại văn kiện, tài liệu phục vụ cho việc đánh giá. Việc tổ chức đánh giá không cản trở và gây ảnh hưởng đến các công việc và thực thi nhiệm vụ hàng ngày của các đối tượng được đánh giá.

2. Cách thức đánh giá:

Áp dụng hai (02) hình thức đánh giá dưới đây để đánh giá hoạt động của các thành viên trong cơ quan quản trị và điều hành của công ty:

a. Tự đánh giá:

- Kết thúc năm tài chính, các thành viên bị đánh giá ghi «**Bản đánh giá**» theo mẫu kèm theo tại phụ lục 1 Quy chế này, sau đó gửi «**Bản đánh giá**» về đơn vị đánh giá được quy định tại «**Bản đánh giá**».

b. Đơn vị đánh giá:

- Sau khi nhận được «**Bản đánh giá**» do các đối tượng tự đánh giá gửi, các đơn vị đánh giá dựa trên các tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá trên «**Bản đánh giá**», tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty.

Các tiêu chí, tiêu chuẩn và tỷ trọng đánh giá trong «**Bản tự đánh giá**», tùy vào tình hình thực tế và nhu cầu đánh giá tại từng thời kỳ, công ty có thể điều chỉnh, sửa đổi các tiêu chí, tiêu chuẩn và tỷ trọng đánh giá.

3. Trình tự đánh giá:

a. Định kỳ thảo luận hiệu quả và cải tiến các công đoạn đánh giá ;

b. Trước mười (10) ngày kết thúc năm tài chính, Ban thư ký công ty gửi các «**Bản đánh giá**» theo mẫu kèm theo tại phụ lục 1 Quy chế này cho các đơn vị đánh giá, các đơn vị đánh giá có trách nhiệm gửi «**Bản đánh giá**» đến các đối tượng được đánh giá. Sau khi đánh giá, các đối tượng tự đánh giá gửi kết quả tự đánh giá về cho các đơn vị đánh giá để tiếp tục đánh giá tính bình quân gia quyền để chấm điểm, sau đó đơn vị đánh giá gửi kết quả về Ban thư ký công ty tổng hợp, xử lý.

4. «**Bản đánh giá**»:

Nội dung «**Bản đánh giá**» được thiết kế với các loại tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá và gồm hai (02) phần, phần tự đánh giá và đơn vị đánh giá. Phần tự đánh giá do đối tượng được đánh giá ghi. Phần đơn vị đánh giá do đơn vị đánh giá ghi. «**Bản đánh giá**» gồm các loại như sau:

- | | |
|---|---------------------------|
| a. Bản đánh giá thành viên Hội đồng quản trị: | Theo mẫu 01-BDG-HDQT |
| b. Bản đánh giá thành viên Ban kiểm soát: | Theo mẫu 02- BDG-BKS |
| c. Bản đánh giá Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc: | Theo mẫu 03- BDG-TGD-PTGD |
| d. Bản đánh giá Giám đốc/Phó giám đốc kinh doanh: | Theo mẫu 04- BDG-GĐKD |
| e. Bản đánh giá Giám đốc/Phó giám đốc hành chính: | Theo mẫu 05- BDG-GĐHC |
| f. Bản đánh giá Giám đốc/Phó giám đốc sản xuất: | Theo mẫu 06- BDG-GĐSX |

5. **Đối tượng đánh giá:**

a. Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc và các chức danh khác do Hội đồng quản trị trực tiếp bổ nhiệm;

b. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị;

c. Tổng giám đốc điều hành đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

6. **Xếp loại đánh giá**

Căn cứ kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc chi nhánh và các cán bộ quản lý của công ty như sau:

a. Xếp loại:

- Loại 1: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Loại 2: Hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Loại 3: Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Loại 4: Không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao

b. Tiêu chuẩn xếp loại:

- Loại 1: Từ 90%~100% (từ 89 điểm~100 điểm);
- Loại 2: Từ 80% ~ dưới 90% (từ 80 điểm~89 điểm);
- Loại 3: Từ 70% ~ dưới 80% (từ 70 điểm~79 điểm);
- Loại 4: Dưới 70% (dưới 69 điểm).

Bản chính các văn bản đánh giá và xếp loại được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

7. Khen thưởng

a. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc chi nhánh và các cán bộ quản lý của công ty có thành tích trong việc quản trị điều hành công ty và các nhiệm vụ khác được giao được xem xét khen thưởng theo nội quy của công ty.

b. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng theo chế độ khen thưởng quy định trong nội quy của công ty.

8. Kỷ luật

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc chi nhánh và các cán bộ quản lý của công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ chưa hoàn thành trách nhiệm của mình hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật hoặc bị xử lý kỷ luật theo nội quy của công ty.

Chương X:

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Công bố thông tin

Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy định và tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty.

Điều 51. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

- d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
- e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
- f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;

h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Điều 52. Bảo mật thông tin

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính, kế toán, người công bố thông tin và thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương XI:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Tổ chức thi hành

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

Điều 54. Bổ sung sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những quy định mới hoặc nội dung trái với các điều khoản trong Quy chế này, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm XI Chương 55 Điều, được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam nhất trí thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2013 cho phép ban hành

cùng chấp thuận hiệu lực và tuân thủ toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này được lập thành mười bốn (14) bản chính, bao gồm 08 bản chính bằng tiếng Việt, 06 bản chính bằng tiếng Trung có nội dung và giá trị như nhau. Một (01) bản gửi Hội đồng quản trị, một (01) bản gửi Ban kiểm soát, một (01) bản gửi Tổng giám đốc, một (01) bản gửi Phó Tổng giám đốc phụ trách chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương, số còn lại được lưu giữ tại phòng Chứng khoán tại trụ sở chính của công ty.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 04 năm 2013

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



PHỤ LỤC I. CÁC LOẠI BIỂU MẪU

1. Mẫu 01- BDG -HDQT

Bản đánh giá thành viên HĐQT

Chu kỳ đánh giá : 01/01/2013 ~ 31/12/2013 Đơn vị đánh giá : Ban kiểm soát				Điểm số					
Tiêu chí đánh giá	Tiêu chí cụ thể	Tỷ trọng	Tiêu chuẩn đánh giá	1. Tự đánh giá			2. BKS đánh giá		
				Hoàn toàn đồng ý	Không Hoàn toàn đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Không Hoàn toàn đồng ý	Không đồng ý
Ý Thức Trách Nhiệm	1. Luôn tuân thủ nghĩa vụ pháp định làm thành viên Hội đồng quản trị.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 08 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.						
	2. Cần phải hiểu rõ sự khác biệt về vai trò và trách nhiệm giữa thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý công ty.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 08 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.						
	3. Khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tôi luôn cân nhắc nếu có lợi ích liên quan tôi tự nguyện tránh xung đột lợi ích.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.						
	4. Luôn chú trọng tính khách quan trong quản lý công việc hơn là người không giữ nguyên tắc, chi biết tán thành đề nghị của người quản lý.	5%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 5 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 3 điểm. - Không đồng ý chấm 0 điểm.						
	5. Trước khi dự họp, luôn chuẩn bị đầy đủ và nắm rõ những thông tin và nội dung của hội nghị để đưa ra một quyết sách thích đáng ?	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý chấm 0 điểm.						
	6. Số lần tham dự cuộc họp HĐQT.	5%	- Trên 6 lần chấm 5 điểm. - 5 lần chấm 4 điểm. - 4 lần chấm 3 điểm. - Dưới 4 lần chấm 0 điểm	<input type="checkbox"/> Trên 6 lần. <input type="checkbox"/> 5 lần. <input type="checkbox"/> 4 lần. <input type="checkbox"/> Dưới 4 lần.	<input type="checkbox"/> Trên 6 lần. <input type="checkbox"/> 5 lần. <input type="checkbox"/> 4 lần. <input type="checkbox"/> Dưới 4 lần.				
	7. Số lần tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	5%	- Tham dự đầy đủ chấm 5 điểm. - Vắng mặt 1 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Tham dự đầy đủ. <input type="checkbox"/> Vắng mặt 1 lần.	<input type="checkbox"/> Tham dự đầy đủ. <input type="checkbox"/> Vắng mặt 1 lần.				
	8. Luôn tuân thủ nghĩa vụ bảo mật đối với những thông tin, tài liệu nội bộ công ty mà tôi có được khi thực thi nhiệm vụ của mình.	5%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 5 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 3 điểm. - Không đồng ý chấm 0 điểm.						
Năng Lực	1. Luôn trang bị cho mình về khả năng tư vấn và đóng góp kiến nghị khi HĐQT có nhu cầu.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.						

Công Việc	2. Tồi ngại và chậm, không muốn phê bình, đóng góp ý kiến và phương án giải quyết, đổi mới công việc vì mục đích xây dựng.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.						
	3. Tồi cần phải có trình độ chuyên môn, kiến thức sâu rộng và thái độ thân thiện gần gũi sẵn sàng chia sẻ và giúp đỡ mọi người.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.						
	4. Khi thực thi nhiệm vụ được giao cần phải làm việc lịch cực, dứt khoát và hiệu quả.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.						
		100%	Tổng số điểm đánh giá						

2. Mẫu 02-BĐG-BKS

Bản đánh giá thành viên Ban kiểm soát

Chu kỳ đánh giá : 01/01/2013~31/12/2013				Điểm số						
Đơn vị đánh giá : Hội đồng quản trị				1. Tự đánh giá			2. HĐQT đánh giá			
Tiêu chí đánh giá	Tiêu chí cụ thể	Tỷ trọng	Tiêu chuẩn đánh giá	Hoàn toàn đồng ý	Không Hoàn toàn đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Không Hoàn toàn đồng ý	Không đồng ý	
Ý Thức Trách Nhiệm	1. Phát hiện, báo cáo hành vi vi phạm pháp luật của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý công ty là trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 5 điểm. - Không đồng ý chấm 0 điểm.							
	2. Khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tối ưu hóa cân nhắc nếu có lợi ích liên quan tối tự nguyện tránh xung đột lợi ích.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.							
	3. Khi thực thi nhiệm vụ cần phải tuân thủ tính độc lập không nên chi biết tán thành ý kiến của thành viên khác hoặc người quản lý công ty.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 5 điểm. - Không đồng ý chấm 0 điểm.							
	4. Số lần tham dự hội nghị Ban kiểm soát về giám sát hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty.	5%	- Trên 4 lần 5 điểm. - 3 lần chấm 4 điểm. - 2 lần chấm 3 điểm. - Dưới 2 lần chấm 0 điểm	<input type="checkbox"/> Trên 4 lần.	<input type="checkbox"/> 3 lần.	<input type="checkbox"/> 2 lần.	<input type="checkbox"/> Dưới 2 lần.	<input type="checkbox"/> Trên 4 lần.	<input type="checkbox"/> 3 lần.	<input type="checkbox"/> 2 lần.
	5. Số lần tham dự cuộc họp của HĐQT.	5%	- Trên 6 lần 5 điểm. - 5 lần chấm 4 điểm. - 4 lần chấm 3 điểm. - Dưới 4 lần chấm 0 điểm	<input type="checkbox"/> Trên 6 lần.	<input type="checkbox"/> 5 lần.	<input type="checkbox"/> 4 lần.	<input type="checkbox"/> Dưới 4 lần.	<input type="checkbox"/> Trên 6 lần.	<input type="checkbox"/> 5 lần.	<input type="checkbox"/> 4 lần.

	6. Số lần tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	5%	- Tham dự đầy đủ chấm 5 điểm. - Vắng mặt 1 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Tham dự đầy đủ. <input type="checkbox"/> Vắng mặt 1 lần.	<input type="checkbox"/> Tham dự đầy đủ. <input type="checkbox"/> Vắng mặt 1 lần.
	7. Luân tuần thu nghĩa vụ bảo mật đối với những thông tin, tài liệu nội bộ công ty mà tôi có được khi thực thi nhiệm vụ.	5%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 5 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 3 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.		
	8. Luôn trang bị cho mình về khả năng tư vấn và đóng góp kiến nghị khi BKS có nhu cầu.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.		
	9. Tôi cần phải có trình độ chuyên môn, kiến thức sâu rộng và thái độ thân thiện gần gũi sẵn sàng chia sẻ và giúp đỡ mọi người.	10%	- Hoàn toàn đồng ý chấm 10 điểm. - Không hoàn toàn đồng ý chấm 8 điểm. - Không đồng ý 0 điểm.		
Năng Lực Công Việc	1. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch thẩm định tài chính đúng thời hạn. * 1	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 85% ~ dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 70% ~ dưới 85% 6 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 85% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 85%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 85% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 85%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	2. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch kiểm tra tình hình tài chính đúng thời hạn. * 2	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 85% ~ dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 70% ~ dưới 85% 6 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 85% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 85%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 85% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 85%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	3. Tỷ suất nộp đúng thời hạn các báo cáo kiểm tra giám sát. * 3	10%	- Nộp đúng hạn chấm 10 điểm. - Nộp trễ hạn chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Nộp đúng hạn. <input type="checkbox"/> Nộp trễ hạn.	<input type="checkbox"/> Nộp đúng hạn. <input type="checkbox"/> Nộp trễ hạn.
		100%	Tổng số điểm đánh giá		

Ghi chú :

*1. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch thẩm định tài chính đúng thời hạn

$$= \frac{\text{Khối lượng công việc thẩm định tài chính hoàn thành đúng hạn}}{\text{khối lượng công việc hoàn thành của kế hoạch thẩm định tài chính}} \times 100\%$$

*2. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch kiểm tra tình hình tài chính

$$= \frac{\text{Khối lượng công việc kiểm tra tài chính hoàn thành đúng hạn}}{\text{khối lượng công việc hoàn thành của kế hoạch kiểm tra tài chính}} \times 100\%$$

*3. Tỷ suất nộp kịp thời các báo cáo kiểm tra giám sát

$$= \frac{\text{Số lượng báo cáo kiểm tra giám sát nộp đúng thời hạn quy định}}{\text{Tổng số báo cáo kiểm tra giám sát phải nộp trong thời hạn quy định}} \times 100\%$$

3. Mẫu 03-BDG-TGD-PTGD

Bản đánh giá Tổng giám đốc điều hành/Phó Tổng giám đốc

Chu kỳ đánh giá : 01/01/2013~31/12/2013 Đơn vị đánh giá : Hội đồng quản trị				Điểm số	
Tiêu chí đánh giá	Tiêu chí cụ thể	Tỷ trọng	Tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá	HĐQT đánh giá
Kết Quả Hoạt Động	1. Tỷ suất hoàn thành mục tiêu chiến lược phát triển công ty.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Từ 90%~dưới 100% chấm 8 điểm. - Từ 80%~dưới 90% chấm 6 điểm. - Từ 70%~dưới 80% chấm 4 điểm - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	2. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch triển khai sản phẩm mới.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm, - Từ 90%~dưới 100% chấm 8 điểm. - Từ 80%~dưới 90% chấm 6 điểm. - Từ 70%~dưới 80% chấm 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	3. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch mở rộng đầu tư và vay vốn.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Từ 90%~dưới 100% chấm 8 điểm. - Từ 80%~dưới 90% chấm 6 điểm. - Từ 70%~dưới 80% chấm 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
Kết Quả Tài Chính	1. Hệ số ROE. * 1	10%	- Trên 20% 10 điểm. - Từ 15%~dưới 20% chấm 7 điểm. - Từ 10%~dưới 15% chấm 5 điểm. - Dưới 10% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trên 20%. <input type="checkbox"/> Từ 15%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 15%. <input type="checkbox"/> Dưới 10%.	<input type="checkbox"/> Trên 20%. <input type="checkbox"/> Từ 15%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 15%. <input type="checkbox"/> Dưới 10%.
	2. Tổng doanh thu.	10%	So sánh năm trước: - Tăng trên 50% chấm 10 điểm. - Tăng 30%~dưới 50% chấm 8 điểm. - Tăng 10%~dưới 30% chấm 6 điểm. - Bằng nhau chấm 4 điểm. - Thấp hơn cùng kỳ chấm 0 điểm.	So sánh năm trước: <input type="checkbox"/> Tăng trên 50%. <input type="checkbox"/> Tăng từ 30%~dưới 50%. <input type="checkbox"/> Tăng từ 10%~dưới 30%. <input type="checkbox"/> Bằng nhau. <input type="checkbox"/> Thấp hơn cùng kỳ.	So sánh năm trước: <input type="checkbox"/> Tăng trên 50%. <input type="checkbox"/> Tăng từ 30%~dưới 50%. <input type="checkbox"/> Tăng từ 10%~dưới 30%. <input type="checkbox"/> Bằng nhau. <input type="checkbox"/> Thấp hơn cùng kỳ.
	3. Lợi nhuận sau thuế/ tổng doanh thu.	10%	- Trên 5% 10 điểm. - Từ 3%~dưới 5% chấm 8 điểm. - Từ 1%~dưới 3% chấm 6 điểm. - Dưới 1% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trên 5%. <input type="checkbox"/> Từ 3%~dưới 5%. <input type="checkbox"/> Từ 1%~dưới 3%. <input type="checkbox"/> Dưới 1%.	<input type="checkbox"/> Trên 5%. <input type="checkbox"/> Từ 3%~dưới 5%. <input type="checkbox"/> Từ 1%~dưới 3%. <input type="checkbox"/> Dưới 1%.

	4. Tỷ suất vòng quay tổng tài sản. * 2	10%	- Trên 500% (trên 05 vòng) 10 điểm. - Từ 300% ~ dưới 500% chấm 8 điểm. - Từ 200% ~ dưới 300% chấm 6 điểm. - Dưới 200% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trên 500% (trên 05 vòng). <input type="checkbox"/> Từ 300% ~ dưới 500%. <input type="checkbox"/> Từ 200% ~ dưới 300%. <input type="checkbox"/> Dưới 200%.	<input type="checkbox"/> Trên 500% (trên 05 vòng). <input type="checkbox"/> Từ 300% ~ dưới 500%. <input type="checkbox"/> Từ 200% ~ dưới 300%. <input type="checkbox"/> Dưới 200%.
	5. Tỷ suất lợi nhuận giá vốn chi phí. * 3	5%	- Trên 15% 05 điểm. - Từ 10% ~ dưới 15% chấm 0 điểm. - Từ 7% ~ dưới 10% chấm 1 điểm. - Dưới 7% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trên 15%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 15%. <input type="checkbox"/> Từ 7% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Dưới 7%.	<input type="checkbox"/> Trên 15%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 15%. <input type="checkbox"/> Từ 7% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Dưới 7%.
Phát Triển Thị Trường	1. Tỷ lệ thị phần	10%	- Trên 20% chấm 10 điểm. - Từ 15% ~ dưới 20% chấm 8 điểm. - Từ 10% ~ dưới 15% chấm 6 điểm. - Từ 5% ~ dưới 10% chấm 4 điểm. - Dưới 5% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trên 20%. <input type="checkbox"/> Từ 15% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 15%. <input type="checkbox"/> Từ 5% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Dưới 5%.	<input type="checkbox"/> Trên 20%. <input type="checkbox"/> Từ 15% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 15%. <input type="checkbox"/> Từ 5% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Dưới 5%.
	2. Số lần khách hàng phân nã.	5%	- 0 lần chấm 5 điểm. - 1 lần chấm 4 điểm. - 2 lần chấm 3 điểm. - 3 lần chấm 2 điểm. - 4 lần chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> 0 lần. <input type="checkbox"/> 1 lần. <input type="checkbox"/> 2 lần. <input type="checkbox"/> 3 lần. <input type="checkbox"/> 4 lần.	<input type="checkbox"/> 0 lần. <input type="checkbox"/> 1 lần. <input type="checkbox"/> 2 lần. <input type="checkbox"/> 3 lần. <input type="checkbox"/> 4 lần.
Chính Sách Lao Động	1. Tỷ lệ nhân viên công ty nghỉ việc.	5%	- Dưới 3% 5 điểm. - Từ 3% ~ dưới 7% chấm 4 điểm. - Từ 7% ~ dưới 10% chấm 3 điểm. - Từ 10% ~ dưới 20% chấm 2 điểm. - Trên 20% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3% ~ dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3% ~ dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.
	2. Tỷ lệ lưu giữ cán bộ chủ chốt làm việc ổn định.	5%	- Giữ 100% 5 điểm. - Giữ 90% ~ dưới 100% chấm 3 điểm. - Giữ 80% ~ dưới 90% chấm 1 điểm. - Dưới 80% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Giữ 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Giữ 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
		100%	Tổng số điểm đánh giá		

*1. Hệ số ROE:

$$ROE = (\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{cổ tức chi trả} / \text{vốn chủ sở hữu})$$

*2. Tỷ suất vòng quay tổng tài sản (Total Assets Turnover):

$$\text{Tỷ suất vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times 100\%$$

*3. Tỷ suất lợi nhuận giá vốn chi phí:

$$\frac{\text{Tổng lợi nhuận gộp bán hàng}}{\text{Tổng giá vốn chi phí}} \times 100\%$$

4. Mẫu 04-BDG-GDKD

Bản đánh giá Giám đốc/ P. Giám đốc kinh doanh

Chu kỳ đánh giá : 01/01/2013~31/12/2013 Đơn vị đánh giá : Tổng giám đốc điều hành				Điểm số	
Tiêu chí đánh giá	Tiêu chí cụ thể	Tỷ trọng	Tiêu chuẩn đánh giá	1. Tự đánh giá	2. TGD đánh giá
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	1. Tỷ suất hoàn thành mục tiêu chiến lược kinh doanh.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 90%~dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 80%~dưới 90% 6 điểm. - Hoàn thành 70%~dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	2. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch tiêu thụ.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 90%~dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 80%~dưới 90% 6 điểm. - Hoàn thành 70%~dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	3. Tỷ suất thực hiện hợp đồng.	10%	- Thực hiện 100% chấm 10 điểm. - Thực hiện 90%~dưới 100% 8 điểm. - Thực hiện 80%~dưới 90% 6 điểm. - Thực hiện 70%~dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Thực hiện 100%. <input type="checkbox"/> Thực hiện 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thực hiện 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Thực hiện 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Thực hiện 100%. <input type="checkbox"/> Thực hiện 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thực hiện 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Thực hiện 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	4. Tỷ suất tăng trưởng doanh thu.	10%	So sánh năm trước: - Tăng trên 50% chấm 10 điểm. - Tăng 30%~dưới 50% chấm 8 điểm. - Tăng 10%~dưới 30% chấm 6 điểm. - Bằng nhau chấm 4 điểm. - Thấp hơn cùng kỳ chấm 0 điểm.	So sánh năm trước: <input type="checkbox"/> Tăng trên 50%. <input type="checkbox"/> Từ 30%~dưới 50%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 30%. <input type="checkbox"/> Bằng nhau. <input type="checkbox"/> Thấp hơn cùng kỳ.	So sánh năm trước: <input type="checkbox"/> Tăng trên 50%. <input type="checkbox"/> Từ 30%~dưới 50%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 30%. <input type="checkbox"/> Bằng nhau. <input type="checkbox"/> Thấp hơn cùng kỳ.
	5. Tỷ suất chi phí bán hàng/Tổng doanh thu.	10%	- Dưới 1% 10 điểm. - Từ 1%~dưới 1,5% chấm 7 điểm. - Từ 1,5%~dưới 2% chấm 5 điểm. - Trên 2% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 1%. <input type="checkbox"/> Từ 1%~dưới 1,5%. <input type="checkbox"/> Từ 1,5%~dưới 2%. <input type="checkbox"/> Trên 2%.	<input type="checkbox"/> Dưới 1%. <input type="checkbox"/> Từ 1%~dưới 1,5%. <input type="checkbox"/> Từ 1,5%~dưới 2%. <input type="checkbox"/> Trên 2%.

	6. Tỷ suất thu hồi tiền bán hàng hóa.	5%	- Thu hồi 100% 5 điểm. - Thu hồi 90% ~ dưới 100% chấm 4 điểm. - Thu hồi 80% ~ dưới 90% chấm 3 điểm. - Thu hồi 70% ~ dưới 80% chấm 2 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Thu hồi 100%. <input type="checkbox"/> Thu hồi 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thu hồi 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Thu hồi 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Thu hồi 100%. <input type="checkbox"/> Thu hồi 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thu hồi 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Thu hồi 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
Phát Triển Thị Trường	1. Tỷ lệ thị phần	10%	- Trên 20% 10 điểm. - Từ 15% ~ dưới 20% chấm 8 điểm. - Từ 10% ~ dưới 15% chấm 6 điểm. - Từ 5% ~ dưới 10% chấm 4 điểm. - Dưới 5% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trên 20%. <input type="checkbox"/> Từ 15% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 15%. <input type="checkbox"/> Từ 5% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Dưới 10%.	<input type="checkbox"/> Trên 20%. <input type="checkbox"/> Từ 15% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 15%. <input type="checkbox"/> Từ 5% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Dưới 10%.
	2. Tỷ lệ giữ vững khách hàng.	10%	- Giữ vững 100% chấm 10 điểm. - Giữ vững 90% ~ dưới 100% 8 điểm. - Giữ vững 80% ~ dưới 90% 6 điểm. - Giữ vững 70% ~ dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Giữ vững 100%. <input type="checkbox"/> Giữ vững 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Giữ vững 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Giữ vững 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Giữ vững 100%. <input type="checkbox"/> Giữ vững 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Giữ vững 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Giữ vững 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	3. Tỷ lệ thỏa mãn khách hàng.	5%	- Thỏa mãn 100% chấm 5 điểm. - Thỏa mãn 90% ~ dưới 100% 4 điểm. - Thỏa mãn 80% ~ dưới 90% 3 điểm. - Thỏa mãn 70% ~ dưới 80% 1 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	4. Tỷ lệ giải quyết phàn nàn của khách hàng	5%	- Giải quyết 100% chấm 5 điểm. - Giải quyết 90% ~ dưới 100% chấm 3 điểm. - Giải quyết 80% ~ dưới 90% chấm 1 điểm. - Dưới 80% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Giải quyết 100%. <input type="checkbox"/> 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Giải quyết 100%. <input type="checkbox"/> 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
Chính Sách Lao Động	1. Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đào tạo cán bộ nhân viên.	5%	- Hoàn thành 100% chấm 5 điểm. - Từ 90% ~ dưới 100% chấm 3 điểm. - Từ 80% ~ dưới 90% chấm 1 điểm. - Dưới 80% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
	2. Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc trong đơn vị.	5%	- Dưới 3% chấm 5 điểm. - Từ 3% ~ dưới 7% chấm 4 điểm. - Từ 7% ~ dưới 10% chấm 3 điểm. - Từ 10% ~ dưới 20% chấm 2 điểm. - Trên 20% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3% ~ dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3% ~ dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7% ~ dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10% ~ dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.

3. Tỷ lệ lưu giữ cán bộ chủ chốt làm việc trong đơn vị.	5%	- Giữ 100% 5 điểm. - Giữ 90% ~ dưới 100% chấm 3 điểm. - Giữ 80% ~ dưới 90% chấm 1 điểm. - Dưới 80% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Giữ 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Giữ 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
	100%	Tổng số điểm đánh giá		

5. Mẫu 05-BDG-GĐHC

Bản đánh giá Giám đốc/P. Giám đốc Ban hành chính

Chu kỳ đánh giá : 01/01/2013 ~ 31/12/2013 Đơn vị đánh giá : Tổng giám đốc điều hành				Điểm số	
Tiêu chí đánh giá	Tiêu chí cụ thể	Tỷ trọng	Tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá	TGD đánh giá
Kết Quả Hoạt Động	1. Tỷ suất hoàn thành mục tiêu quản lý hành chính.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 90% ~ dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 80% ~ dưới 90% 6 điểm. - Hoàn thành 70% ~ dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	2. Tỷ suất hoàn thành kế hoạch công tác hành chính.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 90% ~ dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 80% ~ dưới 90% 6 điểm. - Hoàn thành 70% ~ dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	3. Tỷ suất hoàn thành mục tiêu cải thiện quy trình công tác hành chính.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 90% ~ dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 80% ~ dưới 90% 6 điểm. - Hoàn thành 70% ~ dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	4. Tỷ suất hoàn thiện trang thiết bị văn phòng.	10%	- Hoàn thiện 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thiện 90% ~ dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thiện 80% ~ dưới 90% 06 điểm. - Hoàn thiện 70% ~ dưới 80% 4 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thiện 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thiện 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thiện 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thiện 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thiện 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thiện 90% ~ dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thiện 80% ~ dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thiện 70% ~ dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
Kiểm	1. Tỷ suất chi phí quản lý/Tổng doanh thu.	10%	- Dưới 1% 10 điểm. - Từ 1% ~ dưới 1,5% chấm 7 điểm. - Từ 1,5% ~ dưới 2,5% chấm 5 điểm. - Trên 2,5% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 1%. <input type="checkbox"/> Từ 1% ~ dưới 1,5%. <input type="checkbox"/> Từ 1,5% ~ dưới 2,5%. <input type="checkbox"/> Trên 2,5%.	<input type="checkbox"/> Dưới 1%. <input type="checkbox"/> Từ 1% ~ dưới 1,5%. <input type="checkbox"/> Từ 1,5% ~ dưới 2,5%. <input type="checkbox"/> Trên 2,5%.

Soát Chi Phí	2.kiểm soát chi phí văn phòng phẩm.	5%	- Trong phạm vi dự tính chấm 5 điểm. - Ngoài phạm vi dự tính chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trong phạm vi dự tính. <input type="checkbox"/> Ngoài phạm vi dự tính.	<input type="checkbox"/> Trong phạm vi dự tính. <input type="checkbox"/> Ngoài phạm vi dự tính.
	3.Tỷ lệ giảm giá vốn mua hàng.	5%	-Giảm 30% 5 điểm. -Giảm 20%~dưới 30% chấm 4 điểm. -Giảm 10%~dưới 20% chấm 3 điểm. -Giảm 1%~dưới 10% chấm 2 điểm. -Ngang giá 1 điểm.	<input type="checkbox"/> Giảm 30%. <input type="checkbox"/> 20%~dưới 30%. <input type="checkbox"/> 10%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> 1%~dưới 10%. <input type="checkbox"/> Ngang giá.	<input type="checkbox"/> Giảm 30%. <input type="checkbox"/> 20%~dưới 30%. <input type="checkbox"/> 10%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> 1%~dưới 10%. <input type="checkbox"/> Ngang giá.
Hiệu Quả Quản Lý	1.Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch khai thác nhà cung ứng	5%	-Hoàn thành 100% chấm 5 điểm. -Hoàn thành 90%~dưới 100% chấm 3 điểm. -Hoàn thành 80%~dưới 90% chấm 1 điểm. -Dưới 80% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Từ 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Từ 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Từ 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Từ 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
	2.Tỷ lệ giao hàng đúng thời hạn của nhà cung ứng.	5%	- Đúng thời hạn chấm 5 điểm. - Trễ hạn chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Đúng thời hạn. <input type="checkbox"/> Trễ hạn.	<input type="checkbox"/> Đúng thời hạn. <input type="checkbox"/> Trễ hạn.
	3.Tỷ lệ đơn đặt hàng hoàn thành đúng thời hạn.	5%	- Đúng thời hạn chấm 5 điểm. - Trễ hạn chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Đúng thời hạn. <input type="checkbox"/> Trễ hạn.	<input type="checkbox"/> Đúng thời hạn. <input type="checkbox"/> Trễ hạn.
	4.Tỷ lệ thỏa mãn đối với cán bộ nhân viên nội bộ.	5%	- Thỏa mãn 100% chấm 5 điểm. - Từ 90%~dưới 100% chấm 3 điểm. - Từ 70%~dưới 80% chấm 1 điểm. - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Từ 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Từ 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Từ 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Từ 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	5.Số lần phân nân từ các bộ phận đơn vị khác.	5%	- 0 lần chấm 5 điểm. - Từ 1~2 lần 8 điểm. - Từ 2~3 lần 6 điểm. - Từ 3~4 lần 4 điểm. - Trên 4 lần 0 điểm.	<input type="checkbox"/> 0 lần. <input type="checkbox"/> Từ 1~2 lần. <input type="checkbox"/> Từ 2~3 lần. <input type="checkbox"/> Từ 3~4 lần. <input type="checkbox"/> Trên 4 lần.	<input type="checkbox"/> 0 lần. <input type="checkbox"/> Từ 1~2 lần. <input type="checkbox"/> Từ 2~3 lần. <input type="checkbox"/> Từ 3~4 lần. <input type="checkbox"/> Trên 4 lần.
Chính Sách Lao Động	1.Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đào tạo cán bộ nhân viên.	5%	- Hoàn thành 100% chấm 5 điểm. -Không hoàn thành chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành. <input type="checkbox"/> Không hoàn thành.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành. <input type="checkbox"/> Không hoàn thành.
	2.Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc trong đơn vị.	5%	- Dưới 3% chấm 5 điểm. - Từ 3%~dưới 7%chấm 4 điểm. - Từ 7%~dưới 10% chấm 3 điểm. - Từ 10%~dưới 20% chấm 2 điểm. - Trên 20% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3%~dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7%~dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3%~dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7%~dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.
	3.Tỷ lệ lưu giữ cán bộ chủ chốt trong đơn vị.	5%	- Giữ 100% 5 điểm. - Giữ 90%~dưới 100% chấm 3 điểm. - Giữ 80%~dưới 90% chấm 1 điểm. - Dưới 80% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Lưu giữ 100%. <input type="checkbox"/> 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Lưu giữ 100%. <input type="checkbox"/> 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
		100%	Tổng số điểm đánh giá		

6. Mẫu 06-BDG-GDSX

Bản đánh giá Giám đốc sản xuất

Chu kỳ đánh giá : 01/01/2013~31/12/2013 Đơn vị đánh giá : Tổng giám đốc điều hành				Điểm số	
Tiêu chí đánh giá	Tiêu chí cụ thể	Tỷ trọng	Tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá	TGD đánh giá
Kết Quả Hoạt Động	1.Tỷ suất hoàn thành mục tiêu sản xuất.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 90%~dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 80%~dưới 90% 6 điểm. - Hoàn thành 70%~dưới 80% 4 điểm - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	2.Tỷ suất hoàn thành kế hoạch sản xuất.	10%	- Hoàn thành 100% chấm 10 điểm. - Hoàn thành 90%~dưới 100% 8 điểm. - Hoàn thành 80%~dưới 90% 6 điểm. - Hoàn thành 70%~dưới 80% 4 điểm - Dưới 70% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Hoàn thành 70%~dưới 80%. <input type="checkbox"/> Dưới 70%.
	3.Tỷ suất hạn chế phế phẩm/tổng sản lượng.	10%	- Dưới 1% chấm 5 điểm. - Dưới 2% chấm 3 điểm. - Dưới 3% chấm 1 điểm. - Trên 3% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 1%. <input type="checkbox"/> Dưới 2%. <input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Trên 3%.	<input type="checkbox"/> Dưới 1%. <input type="checkbox"/> Dưới 2%. <input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Trên 3%.
	4.Tỷ suất hoàn hảo thiết bị sản xuất.	10%	- Hoàn hảo 100% chấm 5 điểm. - Hoàn hảo 90%~dưới 100% 3 điểm. - Hoàn hảo 80%~dưới 90% 1 điểm. - Dưới 80% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn hảo 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn hảo 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn hảo 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Hoàn hảo 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn hảo 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Hoàn hảo 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
	5.Tỷ suất về sự thỏa mãn của đơn vị công đoạn phía dưới.	5%	- Thỏa mãn 100% chấm 5 điểm. - Thỏa mãn 90%~dưới 100% 3 điểm. - Thỏa mãn 80%~dưới 90% 1 điểm. - Dưới 80% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
Kiểm Soát Chi Phí	1.Tỷ suất chi phí sản xuất/tổng doanh thu.	10%	- Dưới 2,5% 10 điểm. - Từ 2,5%~dưới 3,5% chấm 7 điểm. - Từ 3,5%~dưới 4,5% chấm 5 điểm - Trên 4,5% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 2,5%. <input type="checkbox"/> Từ 2,5%~dưới 3,5%. <input type="checkbox"/> Từ 3,5%~dưới 4,5%. <input type="checkbox"/> Trên 4,5%.	<input type="checkbox"/> Dưới 2,5%. <input type="checkbox"/> Từ 2,5%~dưới 3,5%. <input type="checkbox"/> Từ 3,5%~dưới 4,5%. <input type="checkbox"/> Trên 4,5%.
	2.Chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị sản xuất.	5%	- Trong phạm vi dự tính chấm 5 điểm. - Ngoài phạm vi dự tính chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Trong phạm vi dự tính. <input type="checkbox"/> Ngoài phạm vi dự tính.	<input type="checkbox"/> Trong phạm vi dự tính. <input type="checkbox"/> Ngoài phạm vi dự tính.

	1.Số lần xảy ra tai nạn lao động.	10%	- Không tai nạn nghiêm trọng chấm 10 điểm. - Tai nạn bình thường 1 lần chấm 7 điểm. - 2 lần chấm 5 điểm. - 3 lần chấm 3 điểm. - 4 lần chấm 2 điểm. - 5 lần chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Không tai nạn nghiêm trọng. <input type="checkbox"/> Tai nạn bình thường 1 lần. <input type="checkbox"/> 2 lần. <input type="checkbox"/> 3 lần. <input type="checkbox"/> 4 lần. <input type="checkbox"/> 5 lần.	<input type="checkbox"/> Không tai nạn nghiêm trọng. <input type="checkbox"/> Tai nạn bình thường 1 lần. <input type="checkbox"/> 2 lần. <input type="checkbox"/> 3 lần. <input type="checkbox"/> 4 lần. <input type="checkbox"/> 5 lần.
	2.Tỷ lệ thỏa mãn đối với cán bộ nhân viên nội bộ.	5%	- Thỏa mãn 100% chấm 5 điểm. - Thỏa mãn 90%~dưới 100% 3 điểm. - Thỏa mãn 80%~dưới 90% 1 điểm. - Dưới 80% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Thỏa mãn 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Thỏa mãn 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
	3.Tỷ lệ chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu.	10%	- Đạt 100% 10 điểm. - Không đạt 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Đạt 100%. <input type="checkbox"/> Không đạt.	<input type="checkbox"/> Đạt 100%. <input type="checkbox"/> Không đạt.
Chinh Sách Lao Động	1.Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đào tạo cán bộ nhân viên.	5%	- Hoàn thành 100% chấm 5 điểm. -Không hoàn thành chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Không hoàn thành.	<input type="checkbox"/> Hoàn thành 100%. <input type="checkbox"/> Không hoàn thành.
	2.Tỷ lệ nhân viên nghỉ việc trong đơn vị.	5%	- Dưới 3% 5 điểm. - Từ 3%~dưới 7% chấm 4 điểm. - Từ 7%~dưới 10% chấm 3 điểm. - Từ 10%~dưới 20% chấm 2 điểm. - Trên 20% chấm 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3%~dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7%~dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.	<input type="checkbox"/> Dưới 3%. <input type="checkbox"/> Từ 3%~dưới 7%. <input type="checkbox"/> Từ 7%~dưới 10%. <input type="checkbox"/> Từ 10%~dưới 20%. <input type="checkbox"/> Trên 20%.
	3.Tỷ lệ lưu giữ cán bộ chủ chốt trong đơn vị.	5%	- Giữ 100% 5 điểm. - Giữ 90%~dưới 100% chấm 3 điểm. - Giữ 80%~dưới 90% chấm 1 điểm. - Dưới 80% 0 điểm.	<input type="checkbox"/> Giữ 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.	<input type="checkbox"/> Giữ 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 90%~dưới 100%. <input type="checkbox"/> Giữ 80%~dưới 90%. <input type="checkbox"/> Dưới 80%.
		100%	Tổng số điểm đánh giá		